

Financial Accounting

IFRS 4th Edition

Weygandt ● Kimmel ● Kieso

CHƯƠNG 5

KẾ TOÁN CÁC HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

Đề cương chương

Mục tiêu học tập

MT 1 Mô tả hoạt động thương mại và hệ thống hàng tồn kho.

MT 2 Ghi chép nghiệp vụ mua hàng theo hệ thống kê khai thường xuyên.

MT 3 Ghi chép nghiệp vụ bán hàng theo hệ thống kê khai thường xuyên.

MT 4 Áp dụng các bước trong chu trình kế toán cho công ty thương mại.

MT 5 Lập báo cáo tài chính cho công ty thương mại.

Mục tiêu học tập 1

Mô tả hoạt động thương mại và hệ thống hàng tồn kho

Hoạt động thương mại và hệ thống hàng tồn kho

Công ty thương mại

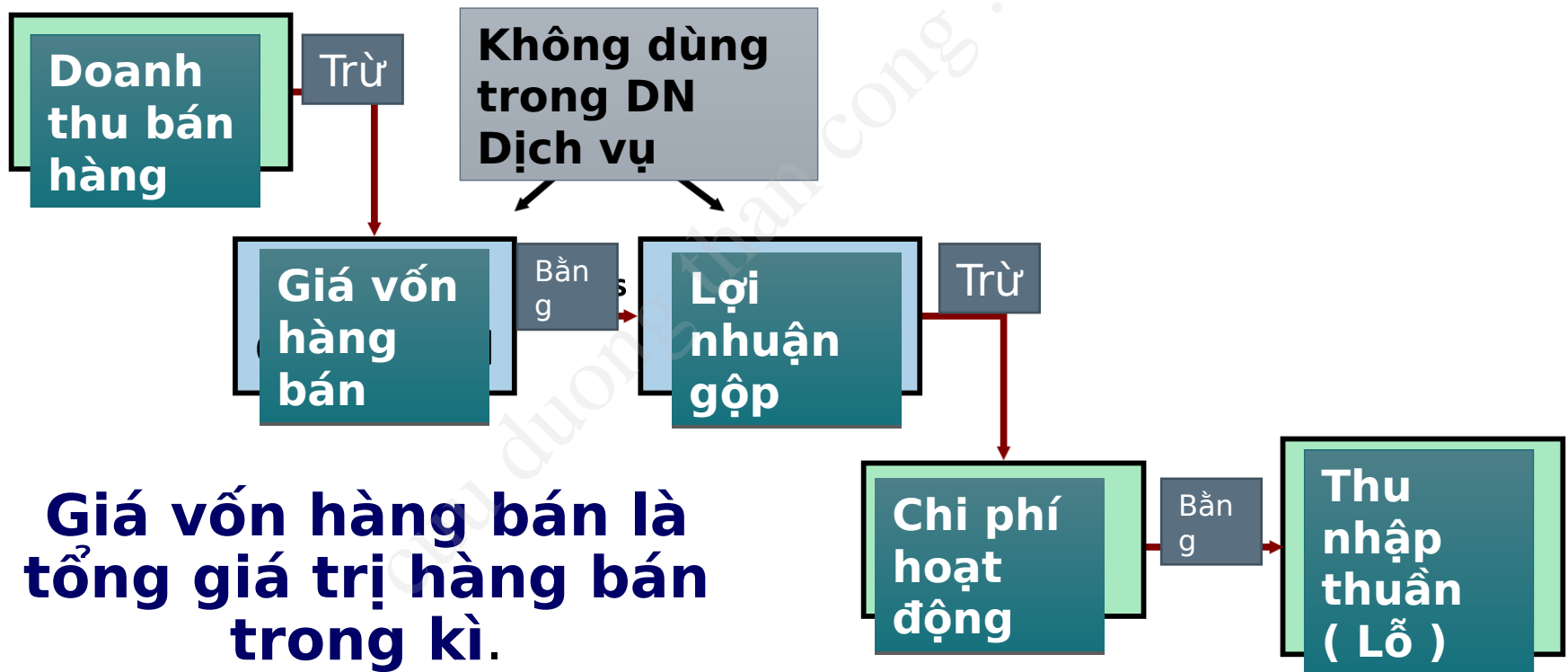
Mua và bán hàng hóa Nhà bán lẻ



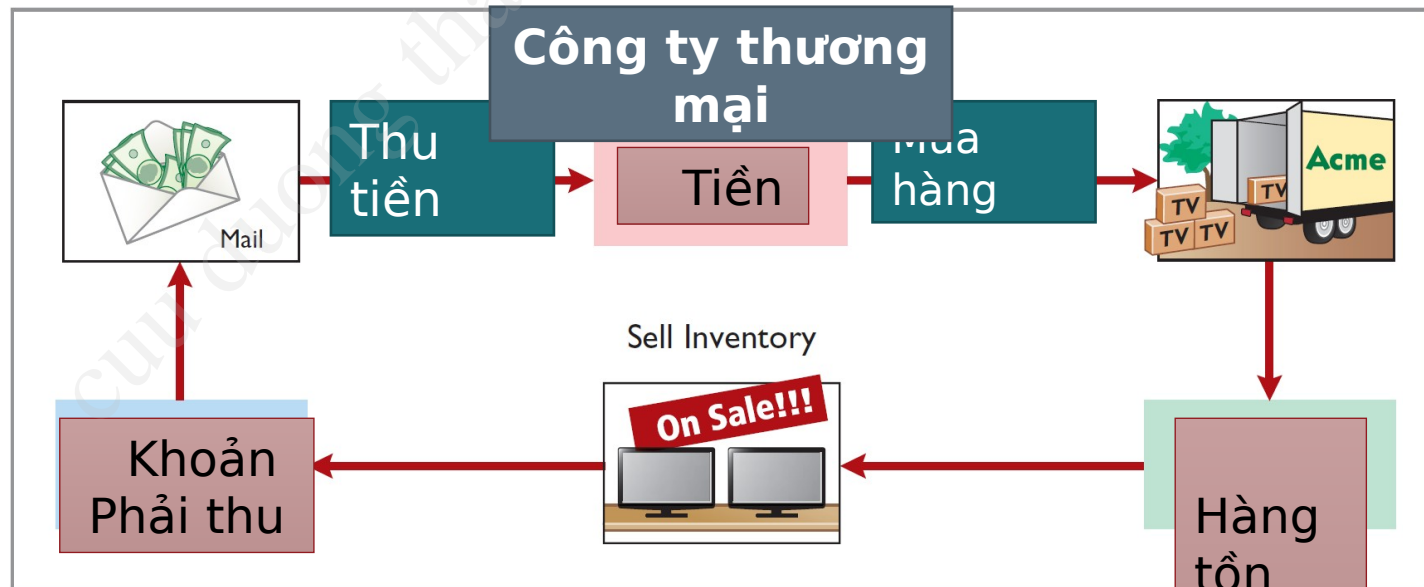
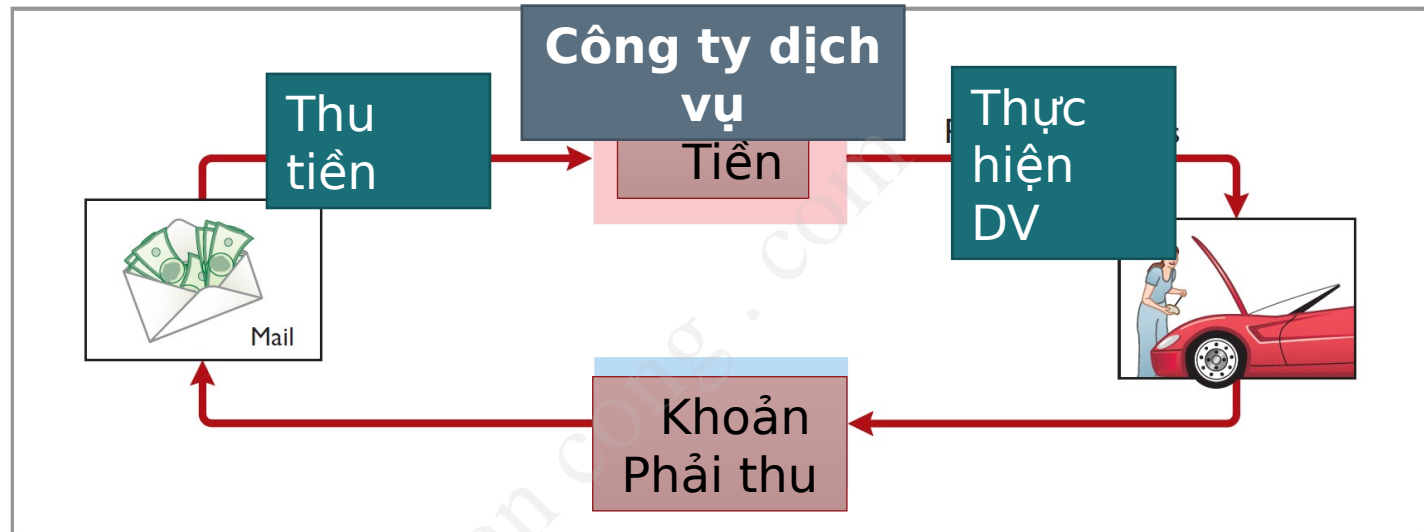
Nguồn doanh thu chính được gọi là doanh thu bán hàng .

Công ty thương mại

Đo lường thu nhập



Quy trình hoạt động



Dòng chi phí (1 of 4)



Các công ty cũng có thể sử dụng hệ thống kê khai thường xuyên hoặc hệ thống kiểm kê định kì để kế toán hàng tồn kho.

Dòng chi phí (2 of 4)

Hệ thống thường xuyên

- Lưu giữ hồ sơ chi tiết về chi phí của mỗi loại hàng mua và hàng bán.
- Công ty xác định giá vốn hàng bán mỗi lần bán hàng phát sinh.
- Hồ sơ liên tục hiển thị mỗi loại hàng tồn kho nắm giữ.

Dòng chi phí (3 of 4)

Hệ thống định kì

- Không lưu giữ hồ sơ chi tiết về hàng hóa nắm giữ.
- Giá vốn hàng bán được xác định bằng cách tính hàng tồn đầu kì

Hàng tồn đầu kì	€100,00
Cộng: Hàng mua thuần	800,00
Hàng chờ bán	900,00
Trừ hàng tồn kho	125,00
Giá vốn hàng bán	€775,00

Dòng chi phí (4 of 4)

Những thuận lợi của hệ thống thường xuyên

- Sử dụng theo truyền thống cho hàng hóa có giá trị cao.
- Chỉ ra số lượng và giá trị hàng tồn kho nắm giữ bất cứ lúc nào.
- Cung cấp sự kiểm soát hàng tồn kho tốt hơn hệ thống định kỳ

Thực hành ! Hoạt động thương mại và hệ thống tồn kho

Cho biết các phát biểu sau là đúng hay sai. Nếu sai, hãy chỉ ra cách sửa phát biểu.

1. Nguồn doanh thu chính đối với một công ty thương mại là kết quả của việc thực hiện các dịch vụ cho khách hàng. **Sai**
(CT dịch vụ)
2. Chu kỳ hoạt động của một công ty dịch vụ thường ngắn hơn so với công ty thương mại **Đúng**
3. Doanh thu bán hàng trừ giá vốn hàng bán bằng lợi nhuận gộp. **Đúng**
4. Hàng tồn đầu kì công Giá trị hàng mua bằng hàng chờ bán. **Sai**
(Hàng tồn đầu kì + Giá vốn)

Mục tiêu 2

Ghi chép hàng mua theo hệ thống thường xuyên

Ghi chép hàng mua theo hệ thống thường xuyên

- Mua bằng tiền hoặc mua chịu (trả chậm).
- Thông thường ghi khi hàng được nhận từ người bán.
- Hóa đơn mua hàng sẽ xác nhận mỗi nghiệp vụ mua chịu.

Recording Purchases Ghi chép mua hàng

Hóa đơn mua
hàng sẽ xác
nhận mỗi
nghiệp vụ
mua chịu.

INVOICE NO. 731



PW AUDIO SUPPLY

27 CIRCLE DRIVE
AMSTERDAM, THE NETHERLANDS 1081

S
O
L
D
T
O


Firm Name Sauk Stereo
Attention of James Hoover, Purchasing Agent
Address 125 Main Street
Oslo Norway 283

Date 5/4/20	Salesperson Malone	Terms 2/10, n/30	FOB Shipping Point		
Catalog No.	Description	Quantity	Price	Amount	
X572Y9820	Printed Circuit Board-prototype	1	2,300	€2,300	
A2547Z45	Production Model Circuits	5	300	1,500	
IMPORTANT: ALL RETURNS MUST BE MADE WITHIN 10 DAYS			TOTAL	€3,800	

Ghi chép nghiệp vụ mua hàng

Mình họa: Sauk Stereo (người mua) sử dụng hóa đơn bán hàng được lập bởi PW Audio Supply, Inc. (người bán) làm hóa đơn mua hàng. Hãy lập bút toán nhật ký cho Sauk Stereo từ hóa đơn của PW Audio Supply.

INVOICE NO. 731


PW AUDIO SUPPLY
27 CIRCLE DRIVE
AMSTERDAM, THE NETHERLANDS 1081

SOLD TO

Firm Name Sauk Stereo
Attention of James Hoover, Purchasing Agent
Address 125 Main Street
Oslo Norway 283

Date	Salesperson	Malone	Terms	2/10, n/30	FOB Shipping Point
5/4/20					
Catalog No.	Description	Quantity	Price	Amount	
X572Y9820	Printed Circuit Board-prototype	1	2,300	€2,300	
A2547Z45	Production Model Circuits	5	300	1,500	
IMPORTANT: ALL RETURNS MUST BE MADE WITHIN 10 DAYS				TOTAL	€3,800

4/5

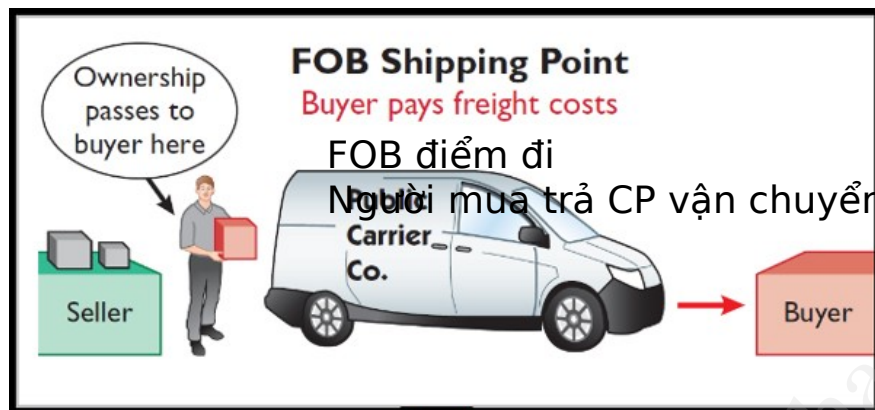
Hàng tồn kho

3,800

Phải trả người bán

3,800

Chi phí vận chuyển (1 of 2)



Quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển cho người mua khi hãng vận chuyển nhận hàng hóa từ người bán.



Quyền sở hữu hàng hóa vẫn thuộc về người bán cho đến khi hàng hóa đến tay người mua.

Chi phí vận chuyển phát sinh bởi người bán là chi phí hoạt động.

Chi phí vận chuyển (2 of 2)

Minh họa: Giả sử khi giao hàng vào ngày 6 tháng 5, Sauk Stereo trả cho Công ty Vận tải Public € 150 phí vận chuyển, bút toán trên sổ sách của Sauk Stereo là:

May	Hàng tồn kho	150	
6	Tiền		150

Giả sử các điều khoản vận chuyển trên hóa đơn (trên slide số 13) yêu cầu PW Audio Supply phải trả phí vận chuyển, bút toán lập bởi PW Audio Supply sẽ là:

May	Chi phí vận chuyển hàng	150	
4	bán Tiền		150

Trả lại và giảm giá hàng mua

(1 of 4)

Người mua có thể không hài lòng vì hàng hóa bị hư hỏng hoặc bị lỗi, chất lượng kém hơn hoặc không đáp ứng các thông số kỹ thuật.

Trả lại hàng mua

Trả lại hàng hóa cho nợ nếu việc bán hàng được thực hiện bằng bán chịu , hoặc hoàn lại tiền nếu việc mua bằng tiền.

Giảm giá hàng mua

Có thể chọn giữ lại hàng hóa nếu người bán sẽ giảm giá hàng mua.

Trả lại và giảm giá hàng mua (2 of 4)

Minh họa: Giả sử Sauk Stereo trả lại hàng hóa có giá € 300 cho Cung cấp Âm thanh PW vào ngày 8 tháng 5.

8/5

Phải trả người bán

30
0

Hàng tồn kho

30
0

Trả lại và giảm giá hàng mua (3 of 4)

Câu hỏi ôn tập

Trong hệ thống kê khai thường xuyên, người mua trả lại hàng hóa bị lỗi bằng cách ghi có:

- a. TK Mua hàng
- b. TK Trả lại hàng mua
- c. TK Giảm giá hàng mua
- d. TK Hàng tồn kho

Trả lại và giảm giá hàng mua (4 of 4)

Trong hệ thống kê khai thường xuyên, người mua trả lại hàng hóa bị lỗi bằng cách ghi có:

- a. Mua hàng
- b. Lợi nhuận mua hàng
- c. Phụ cấp mua hàng
- ➔ d. Hàng tồn kho

Chiết khấu mua hàng (1 of 5)

Điều khoản cho nợ có thể chấp nhận người mua được hưởng chiết khấu bằng tiền khi thanh toán.

Thuận lợi:

Người mua tiết kiệm tiền

Người bán rút ngắn chu trình hoạt động bằng cách chuyển đổi khoản phải thu thành tiền sớm hơn

Ví dụ: Điều khoản mua chịu có thể đọc là 2/10, n30

Chiết khấu mua hàng (2 of 5)

2/10, n30

Chiết khấu 2% nếu trả trong vòng 10 ngày, mặt khác số tiền thuần đến hạn trong 30 ngày.

1/10 EOM

Chiết khấu 1% nếu trả trong vòng 10 ngày đầu của tháng tiếp theo.

n/10 EOM

Chiết khấu mua hàng (3 of 5)

Minh họa: Giả sử Sauk Stereo thanh toán số dư nợ đến hạn 3.500 € (giá hóa đơn gộp là 3.800 € trừ khoản trả lại và giảm giá hàng mua € 300) vào ngày 14 tháng 5, ngày cuối cùng của kỳ chiết khấu. Lập bút toán nhật ký Sauk Stereo thực hiện vào ngày 14 tháng 5 để ghi chép khoản thanh toán.

14/5	Phải trả người bán	3,500	
	Hàng tồn kho		70
	Tiền		3,430

(Chiết khấu = €3,500 × 2% = **€70**)

Chiết khấu mua hàng (4 of 5)

Minh họa: Nếu Sauk Stereo không được hưởng chiết khấu, thì thay vào đó đã thanh toán đầy đủ 3.500 € vào ngày 3 tháng 6, bút toán nhật ký sẽ là:

June 3	Phải trả người bán	3,500	
	Tiền	0	3,500

Purchase Discounts (5 of 5)

Có nên thực hiện chiết khấu khi được đề nghị?

Chiết khấu 2% trên 3,500 €70.00

3,500 được đầu tư với 10% trong 20 ngày 19.18

Tiết kiệm nhờ hưởng chiết khấu **€50.82**

Ví dụ: 2% trong 20 ngày = Lãi suất năm
36.5%

$$(\text{€}3,500 \times 36.5\% \times 20) \div 365 = \text{€}70$$

Tổng hợp nghiệp vụ mua hàng

Hàng tồn kho

Mua	May			May			Trả lại hàng
	4	3,800		8	300		
Cước phí VCHM							Chiết khấu mua hàng
		6	150		14	70	
Số dư		3,580					

Thực hành! 2: Nghiệp vụ mua hàng

Vào ngày 5 tháng 9, Công ty Zhū mua hàng hóa trả chậm từ Công ty Gāo. Giá mua hàng hóa mà Zhu trả là ¥15.000 và chi phí cho Công ty Gāo là ¥8.000. Vào ngày 8 tháng 9, Zhū trả lại hàng hóa bị lỗi với giá bán ¥2.000. Ghi chép các nghiệp vụ trên sổ sách của Công ty Zhū.

5/9	Hàng tồn kho	15,00 0	
	Phải trả người bán		15,000
8/9	Phải trả người bán	2,00 0	
	Hàng tồn kho		2,000

Mục tiêu học tập 3

Ghi chép nghiệp vụ bán hàng theo hệ thống kê khai thường xuyên

Ghi chép nghiệp vụ bán hàng theo hệ thống kê khai thường xuyên

- Bán hàng có thể được thực hiện bằng **bán chịu** hoặc bán **thu tiền**
- Doanh thu bán hàng, giống như doanh thu dịch vụ, được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện được thỏa mãn
- Nghĩa vụ thực hiện được thỏa mãn khi hàng hóa được chuyển từ người bán sang người mua
- **Hóa đơn bán hàng** sẽ xác nhận mỗi nghiệp vụ bán chịu

Hóa đơn
bán hàng
sẽ xác
nhận mỗi
nghiệp vụ
bán chịu

INVOICE NO. 731



PW AUDIO SUPPLY
27 CIRCLE DRIVE
AMSTERDAM, THE NETHERLANDS 1081

S
O
L
D
T
O

Firm Name Sauk Stereo
Attention of James Hoover, Purchasing Agent
Address 125 Main Street
Oslo Norway 283

Date 5/4/20	Salesperson Malone	Terms 2/10, n/30	FOB Shipping Point		
Catalog No.	Description	Quantity	Price	Amount	
X572Y9820	Printed Circuit Board-prototype	1	2,300	€2,300	
A2547Z45	Production Model Circuits	5	300	1,500	
IMPORTANT: ALL RETURNS MUST BE MADE WITHIN 10 DAYS				TOTAL	€3,800

Ghi chép nghiệp vụ bán hàng^(1 of 2)

Bút toán nhật kí để ghi chép nghiệp vụ bán hàng

#1	Phải thu khách hàng	XXX	}	Giá bán
	Doanh thu bán hàng	XXX		
#2	Giá vốn hàng bán	XXX	}	Giá vốn
	Hàng tồn kho	XXX		

Ghi chép nghiệp vụ bán hàng (2 of 2)

Minh họa: PW Audio Supply ghi chép nghiệp vụ bán chịu € 3.800 vào ngày 4 tháng 5 cho Sauk Stereo như sau (giả sử giá vốn hàng hóa PW Audio cung cấp là € 2,400).

4/5	Phải thu khách hàng	3,800	
	Doanh thu bán hàng		3,800
4/5	Gía vốn hàng bán	2,400	
	Hàng tồn kho		2,400

Trả lại và giảm giá hàng bán (1 of 5)

- “Mặt khác” của trả lại và giảm giá hàng mua
- Tài khoản điều chỉnh giảm cho TK doanh thu bán hàng (Bên Nợ)
- Doanh thu không ghi giảm (Bên Nợ) vì:
 - Sẽ che mờ tầm quan trọng của Trả lại và giảm giá hàng bán theo tỉ lệ % trên doanh thu
 - Có thể bóp méo sự so sánh

Trả lại và giảm giá hàng bán (2 of 5)

Minh họa: Lập bút toán cho PW Audio Supply sẽ thực hiện để ghi bên Có cho hàng trả lại có giá bán € 300 (giả sử giá vốn € 140). Giả sử hàng hóa không bị lỗi.

8/5	Trả lại và giảm giá hàng bán	300	
	Phải thu khách hàng		300
8/5	Hàng tồn kho	140	
	Giá vốn hàng bán		140

Trả lại và giảm giá hàng bán (3 of 5)

Minh họa: Giả sử hàng trả lại bị lỗi và có giá trị phế thải là € 50, PW Audio sẽ thực hiện các bút toán sau:

May 8	Trả lại và giảm giá hàng bán	300	
	Phải thu khách hàng		300
May 8	Hàng tồn kho	50	
	Giá vốn hàng bán		50

Trả lại và giảm giá hàng bán(4 of 5)

Ôn tập

Giá vốn hàng bán được xác định và ghi chép mỗi lần bán hàng phát sinh trong:

- a. hệ thống kiểm kê định kỳ.
- b. Hệ thống kê khai thường xuyên.
- c. cả hệ thống kiểm kê định kỳ và kê khai thường xuyên.
- d. không phải hệ thống kiểm kê định kỳ mà cũng không phải kê khai thường xuyên.

Trả lại và giảm giá hàng bán (5 of 5)

Ôn tập

Giá vốn hàng bán được xác định và ghi chép mỗi lần bán hàng phát sinh trong:

a. hệ thống kiểm kê định kỳ.

➔ b. Hệ thống kê khai thường xuyên.

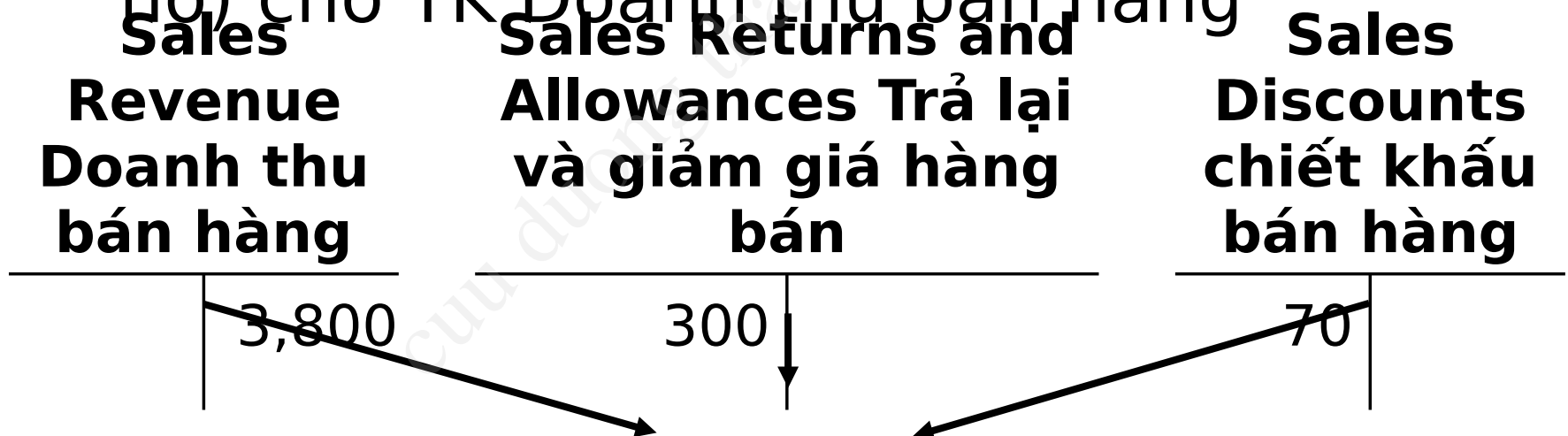
c. cả hệ thống kiểm kê định kỳ và kê khai thường xuyên.

d. không phải hệ thống kiểm kê định kỳ mà cũng không phải kê khai thường xuyên.

Chiết khấu bán hàng

Đề nghị cho khách hàng để thúc đẩy thanh toán kịp thời số dư nợ đến hạn

Tài khoản điều chỉnh giảm doanh thu (ghi nợ) cho TK Doanh thu bán hàng



Net Sales
€3,430

Chiết khấu bán hàng (2 of 2)

Minh họa: Giả sử Sauk Stereo thanh toán số dư đến hạn 3.500 € (giá hóa đơn gộp là 3.800 € trừ trả lại và giảm giá hàng mua € 300) vào ngày 14 tháng 5, ngày cuối cùng của kỳ chiết khấu. Lập bút toán nhật ký cho PW Audio Supply để ghi biên nhận vào ngày 14 tháng 5.

14/5	Tiền	3,430	
	Chiết khấu bán hàng	70*	
	Phải thu khách hàng		3,500

$$*[(€3,800 - €300) \times 2\%]$$

Thực hành! 3: Nghiệp vụ bán hàng(1 of 2)

Vào ngày 5 tháng 9, Công ty Zhū mua hàng hóa trả chậm từ Công ty Gāo. Giá bán của hàng hóa là 15.000, và giá vốn hàng bán của Công ty Gāo là 8.000. Vào ngày 8 tháng 9, Zhū trả lại hàng hóa bị lỗi với giá bán ¥ 2.000 và giá trị hợp lý là ¥ 300. Ghi chép các nghiệp vụ trên sổ sách của Công ty Gāo.

5/9	Phải thu khách hàng	15,00	
		0	15,00
	Doanh thu bán hàng		0
5/9	Giá vốn hàng bán	8,000	
	Hàng tồn kho		8,000

Thực hành! 3: Nghiệp vụ bán hàng(2 of 2)

Vào ngày 5 tháng 9, Công ty Zhū mua hàng hóa trên tài khoản từ Công ty Gāo. Giá bán của hàng hóa là 15.000, và giá vốn hàng bán của Công ty Gāo là 8.000. Vào ngày 8 tháng 9, Zhū trả lại hàng hóa bị lỗi với giá bán ¥ 2.000 và giá trị hợp lý là ¥ 300. Ghi lại các giao dịch trên sổ sách của Công ty Gāo.

8/9	Trả lại và giảm giá hàng bán	2,000	
	Phải thu khách hàng		2,000
8/9	Hàng tồn kho	300	
	Giá vốn hàng bán		300

Mục Tiêu Học Tập 4

Áp dụng các bước của Chu Kỳ Kế Toán vào Công Ty Thương Mại

Chu Kỳ Kế Toán của Công Ty Thương Mại

Các bút toán điều chỉnh

Nhìn chung giống như một công ty dịch vụ

Một điều chỉnh bổ sung để làm cho việc ghi nhận giống với hàng tồn kho thực tế có sẵn

Bao gồm việc điều chỉnh hàng tồn kho và giá vốn hàng bán

Các bút toán điều chỉnh

Minh họa: Giả sử, PW Audio Supply có một khoản dư chưa điều chỉnh của hàng tồn kho là €40,500. Thông qua việc kiểm kê, PW Audio Supply xác định rằng hàng tồn kho thực tế tại ngày 31 tháng 12 là €40,000. Công ty sẽ làm một bút toán điều chỉnh như sau.

31/12	Giá Vốn Hàng Bán	500	
	Hàng Tồn Kho (€40,500 – €40,000)		500

Các bút toán khóa sổ

51	Doanh thu dịch vụ	480,000	
	Xác định kết quả kinh doanh		480,000
	(Khóa sổ các tài khoản có sổ dư có)		
31	Xác định kết quả kinh doanh	450,000	
	Giá vốn hàng bán		316,000
	Chi phí lương		64,000
	Chi phí tiện ích		17,000
	Chi phí quảng cáo		16,000
	Hàng bán bị trả lại và chiết khấu bán hàng		12,000
	Giảm giá hàng bán		8,000
	Chi phí khấu hao		8,000
	Chi phí vận chuyển		7,000
	Chi phí bảo hiểm		2,000
	(Khóa sổ các tài khoản có sổ dư nợ)		

Các bút toán khóa sổ

Dec. 31	Xác định kết quả kinh doanh Lợi nhuận giữ lại (Khóa sổ tài khoản lợi nhuận giữ lại)	30,000	30,000
31	Lợi nhuận giữ lại Cổ Tức (Khóa sổ tài khoản cổ tức)	15,000	15,000

Thực hành 4: Các bút toán

khóa sổ (thứ 2) của Celine's Sports Wear Shop vào ngày 31 tháng 12 cho thấy hàng tồn kho €25,000, doanh thu bán hàng €162,400, hàng bán bị trả lại và chiết khấu bán hàng €4,800, giảm giá hàng bán €3,600, giá vốn hàng bán €110,000, doanh thu cho thuê €6,000, chi phí vận chuyển €1,800, chi phí thuê €8,800, và chi phí lương €22,000. Hãy khóa sổ cho các tài khoản trên.

Doanh thu bán hàng	162,400	
Doanh thu cho thuê	6,000	
		168,400
Xác định kết quả kinh doanh		0

Thực hành 4: Các bút toán

Khóa sổ cho các tài khoản

31/12 Doanh thu bán hàng	151,000
Giá vốn hàng bán	110,000
Hàng bán bị trả lại và chiết khấu bán hàng	4,800
Giảm giá hàng bán	3,600
Chi phí vận chuyển	1,800
Chi phí thuê	8,800
Chi phí lương	22,000

Mục tiêu học tập 5

Lập báo cáo tài chính cho công ty thương mại

Báo cáo tài chính (1 of 7)

Nguồn thông tin chính để đánh giá hiệu suất của công ty.

Mẫu được thiết kế để phân biệt giữa những nguồn thu nhập và chi phí khác nhau.

Báo cáo kết quả kinh doanh^(2 of 7)

Trình bày doanh thu trên Báo cáo kết quả kinh doanh

PW Audio Supply Báo cáo kết quả kinh doanh (trích) Cho cuối năm 31/12/2020

Doanh thu

		€480,00
Doanh thu dịch vụ		0
Trừ: Hàng bán bị trả lại và	€12,00	
chiết khấu bán hàng	0	
Giảm giá hàng bán	8,000	20,000
		€460,0

Doanh thu thuần

00

Báo cáo kết quả kinh doanh^(3 of 7)

Lợi nhuận gộp

Trên cơ sở của số liệu doanh thu PW Audio Supply (doanh thu thuần €460,000) và giá vốn hàng bán theo hệ thống kê khai thường xuyên (giả định €316,000), lợi nhuận gộp của PW Audio Supply là €144,000, được tính như sau.

Doanh thu thuần	€460,000
-----------------	----------

Giá vốn hàng bán	316,000
------------------	---------

Lợi nhuận gộp	€144,000
----------------------	-----------------

Báo cáo kết quả kinh doanh^(4 of 7)

Lợi nhuận gộp

Chúng ta cũng có thể diễn tả lợi nhuận gộp của một công ty theo một tỉ lệ phần trăm gọi là tỉ suất lợi nhuận gộp.

$$\text{Lợi nhuận gộp} \div \text{Doanh thu thuần} = \text{Tỉ suất lợi nhuận gộp}$$

$$€144,000 \div €460,00 = 31.3\%$$

Các nhà phân tích thường cho rằng chỉ tiêu tỉ suất lợi nhuận gộp thì hữu ích hơn chỉ tiêu lợi nhuận gộp.

Báo cáo kết quả kinh doanh^(5 of 7)

Các chi phí hoạt động

Phát sinh trong quá trình tạo ra doanh thu bán hàng. Chi phí hoạt động của PW Audio Supply bao gồm các chi phí sau:

Các chi phí hoạt động

	€
Chi phí lương	64,000
Chi phí tiện ích	17,000
Chi phí quảng cáo	16,000
Chi phí khấu hao	8,000
Chi phí vận chuyển	7,000
Chi phí bảo hiểm	2,000
	<hr/>
	€114,0

Tổng các chi phí hoạt động 00

Báo cáo kết quả kinh doanh^(6 of 7)

Thu nhập và chi phí khác

Thu nhập và chi phí khác bao gồm các khoản thu khác nhau, thu nhập và chi phí và tổn thất không liên quan đến hoạt động chính của công ty.

Thu nhập khác

- **Thu nhập lãi vay** từ thương phiếu phải thu và chứng khoán thị trường
- **Thu nhập cổ tức** từ việc đầu tư vào vốn cổ phần
- **Thu nhập cho thuê** từ việc cho thuê lại một phần cửa hàng
- **Thu nhập** từ việc bán tài sản, nhà máy và thiết bị

Thu nhập và chi phí khác

Chi phí khác

- **Tổn thất** từ những nguyên nhân phá hoại và tai nạn
- **Tổn thất** từ việc bán và thanh lý tài sản, nhà máy và thiết bị
- **Tổn thất** từ các cuộc đình công của nhân viên và nhà cung cấp

Chi phí lãi vay, phải được công bố trên báo cáo kết quả kinh doanh

Báo cáo kết quả kinh doanh

(7 of 7)

- Doanh thu
- Lợi nhuận gộp
- Chi phí hoạt động
- Thu nhập và chi phí khác
- **Lợi nhuận thuần**

PW Audio Supply Income Statement For the Year Ended December 31, 2020

Doanh thu

Doanh thu bán hàng €480,000

Trừ: Hàng bán bị trả lại và chiết khấu bán hàng

€12,000

Giảm giá hàng bán

8,000

20,000

Doanh thu thuần

460,000

Giá vốn hàng bán

316,000

Lợi nhuận gộp

144,000

Chi phí hoạt động

Chi phí lương 64,000

Chi phí tiện ích 17,000

Chi phí quảng cáo 16,000

Chi phí khấu hao 8,000

Chi phí vận chuyển 7,000

Chi phí bảo hiểm 2,000

tổng chi phí hoạt động

114,000

Lợi nhuận hoạt động kinh doanh

30,000

Thu nhập và chi phí khác

Doanh thu lãi 3,000

Thu nhập từ bán công cụ, dụng cụ 600

Tổn thất từ phá hoại 200

3,400

Chi phí lãi vay

1,800

Lợi nhuận thuần

€ 31,600

Báo cáo thu nhập toàn bộ

Không bao gồm các khoản mục trong xác định lợi nhuận thuần.

Các khoản mục bao gồm trong thu nhập toàn bộ được báo cáo kết hợp của lợi nhuận thuần và thu nhập toàn bộ, hoặc trong báo cáo thu nhập toàn bộ riêng biệt.

PW Audio Supply **Báo cáo thu nhập toàn bộ** **Cho cuối năm 31/12/2020**

Lợi nhuận thuần

€21,50

Những thu nhập toàn bộ khác

0

Lợi nhuận chưa thực hiện trên chứng khoán đầu tư
năm giữ (sau thuế € 400)

2,300

€23,80⁹

Thu nhập toàn bộ

Báo cáo tình hình tài chính phân loại

PW Audio Supply

Báo cáo tình hình tài chính (trích)

31/12/2020

Tài sản

Tài sản ngắn hạn

	€
Tiền mặt	9,500
Các khoản phải thu	2,300
Hàng tồn kho	40,000
Bảo hiểm trả trước	1,800
Tổng tài sản ngắn hạn	67,400
Tài sản, nhà máy và thiết bị	

€80,00

0

Thiết bị

Trừ: khấu hao

24,000

56,000

€123,4

00

Tổng tài sản

Thực hành 5: Báo cáo tình hình tài chính phân loại (2 of 3)

Cho biết báo cáo tài chính và phân loại nào được báo cáo .

Tài khoản	Báo cáo tài chính	Phân loại
Khoản phải trả	SFP	Nợ ngắn hạn
Khoản phải thu	SFP	Tài sản ngắn hạn
Khấu hao lũy kế - Nhà cửa	SFP	Tài sản, nhà máy và thiết bị
Khấu hao lũy kế - Thiết bị	SFP	Tài sản, nhà máy và thiết bị
Chi phí quảng cáo	IS	Chi phí hoạt động
Nhà cửa	SFP	Tài sản, nhà máy và thiết bị
Tiền mặt	SFP	Tài sản ngắn hạn
Chi phí khấu hao	IS	Chi phí hoạt động
Cổ tức	RES	Phần khấu trừ

Thực hành 5: Báo cáo tình hình tài chính phân loại (2 of 3)

<u>Tài khoản</u>	<u>Báo cáo tài chính</u>	<u>Phân loại</u>
Thiết bị	SFP	Tài sản, nhà máy và thiết bị
Chi phí vận chuyển	IS	Chi phí hoạt động
Thu được từ việc bán nhà máy	IS	Thu nhập và chi phí khác
Chi phí bảo hiểm	IS	Chi phí hoạt động
Chi phí lãi vay	IS	Chi phí lãi vay
Lãi phải trả	SFP	Nợ ngắn hạn
Hàng tồn kho	SFP	Tài sản ngắn hạn
Đất đai	SFP	Tài sản, nhà máy và thiết bị
Cổ phiếu phải trả (trong 3 năm)	SFP	Nợ dài hạn

Thực hành 5: Báo cáo tình hình tài chính phân loại (3 of 3)

<u>Tài khoản</u>	<u>Báo cáo tài chính</u>	<u>Phân loại</u>
Thuế tài sản phải nộp	SFP	Nợ ngắn hạn
Chi phí lương	IS	Chi phí hoạt động
Lương phải trả	SFP	Nợ ngắn hạn
Hàng bán bị trả lại và chiết khấu bán hàng	IS	Doanh thu
Doanh thu bán hàng	IS	Doanh thu
Vốn cổ phần phổ thông	SFP	Vốn chủ sở hữu
Chi phí tiện ích	IS	Chi phí hoạt động

Mục tiêu học tập 6

Chuẩn bị một bảng tính nháp cho công ty thương mại

Phụ lục 5A Bảng tính nháp cho một công ty thương mại

Như đã nêu trong Chương 4, một bảng tính cho phép các công ty chuẩn bị báo cáo tài chính trước khi họ thực hiện các bút toán điều chỉnh. Các bước chuẩn bị một bảng tính nháp cho một công ty thương mại cũng giống như đối với một công ty dịch vụ. Hình minh họa hiển thị bảng tính nháp cho PW Audio Supply (không bao gồm các mục không hoạt động). Các tài khoản riêng cho hệ thống kê khai thường xuyên trong công ty thương mại được thể hiện bằng chữ màu đỏ.

PW Audio Supply
Bảng tính nhập
Cho cuối năm 31/12/2020

Tên tài khoản	Cân đối thử		Điều chỉnh		Cân đối thử đã điều chỉnh		Báo cáo kết quả kinh doanh		Báo cáo tình hình tài chính	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Tiền mặt	9,500				9,500				9,500	
Khoản phải thu	16,000				1,6100				1,6100	
Hàng tồn kho	40,500			(a) 500	40,000				40,000	
Bảo hiểm trả trước	3,800			(b) 2,000	1,800				1,800	
Thiết bị	80,000				80,000				80,000	
Khấu hao lũy kế		16,000		(c) 8,000		24,000				24,000
Khoản phải trả		20,400				20,400				20,400
Vốn cổ phần phổ thông		50,000				50,000				50,000
Lợi nhuận giữ lại		33,000				33,000				33,000
Cổ tức	15,000				15,000				15,000	
Doanh thu dịch vụ		480,000				480,000		480,000		
Hàng bán bị trả lại và chiết khấu bán hàng	12,000				12,000		12,000			
Giảm giá hàng bán	8,000				8,000		8,000			
Giá vốn hàng bán	315,500		(a) 500		316,000		316,000			
Chi phí vận chuyển	7,000				7,000		7,000			
Chi phí quảng cáo	16,000				16,000		16,000			
Chi phí lương	59,000		(d) 5,000		64,000		64,000			
Chi phí tiện ích	17,000				17,000		17,000			
Tổng	599,400	599,400								

Mục tiêu học tập 7

Ghi nhận mua và bán hàng tồn kho theo hệ thống kiểm kê định kỳ

Phụ lục 5B Hệ thống kiểm kê

Xác định giá vốn hàng bán theo hệ thống kiểm kê định kỳ

- Hàng tồn kho cuối kỳ được xác định bằng cách kiểm kê
- Giá vốn hàng bán không được xác định cho đến khi kết thúc kỳ kế toán

Hệ thống kiểm kê định kỳ

PW Audio Supply Giá vốn hàng bán Cho cuối năm 31/12/2020

Giá vốn hàng bán

Hàng tồn kho, 1/1

€
36,000

Mua vào €325,00
0

Trừ: trả lại hàng mua và chiết
khấu mua hàng €10,40
0

Giảm giá hàng mua 6,800 17,200

Hàng mua thuần 307,800

Thêm : chi phí vận chuyển 12,200

320,00

Giá vốn hàng mua

0

Giá vốn hàng có sẵn để bán

356,00

Ghi nhận các giao dịch thương mại

Ghi nhận doanh thu khi bán hàng

Không ghi nhận giá vốn hàng bán vào ngày bán

Giá trị hàng tồn kho được xác định:

- Giá trị hàng hóa đang nắm giữ và
- Giá trị hàng bán ra trong kỳ

Ghi nhận chi phí mua hàng trong tài khoản hàng mua

Trả lại hàng mua và chiết khấu mua hàng, giảm giá hàng mua, và chi phí vận chuyển được ghi nhận trong các tài khoản riêng

Ghi nhận mua hàng

Minh họa: trên cơ sở hóa đơn bán hàng (slide 31) và đơn đặt hàng từ PW Audio Supply, Sauk Stereo ghi nhận €3,800 việc mua hàng như sau.

4/5	Hàng mua	3,800	
	Khoản phải trả		3,800

Chi phí vận chuyển

Minh họa: nếu Sauk trả tiền cho Public Freight Company €150 tiền vận chuyển khi mua hàng từ PW Audio Supply vào ngày 6/5, ghi nhận trong sổ sách của Sauk như sau:

Chi phí vận chuyển (chi phí vận chuyển mua hàng)	150
Tiền mặt	150

Hàng mua trả lại và chiết khấu mua hàng

Minh họa: Sauk Stereo trả lại €300 hàng hóa cho PW Audio Supply và ghi nhận khoản hàng mua trả lại

8/5	Khoản phải trả	300	
	Hàng mua trả lại và chiết khấu mua hàng		300

Giảm giá hàng mua

Minh họa: vào ngày 14/5 Sauk Stereo thanh toán số dư đến hạn cho PW Audio Supply, thì được giảm giá 2% tiền mặt bởi PW Audio cho việc thanh toán trong vòng 10 ngày. Sauk Stereo ghi nhận thanh toán và giảm giá hàng mua như sau.

Khoản phải trả (€3,800 - €300)	3,500
Giảm giá hàng mua (€3,500 × .02)	70
Tiền mặt	3,430

Ghi nhận doanh thu

Minh họa: PW Audio Supply, ghi nhận doanh thu €3,800 bán hàng cho Sauk Stereo vào ngày 4/5 (hóa đơn bán hàng No. 731, slide 31) như sau.

4/5	Khoản phải thu	3,800	
	Doanh thu bán hàng		3,800

Không ghi bút toán cho giá vốn hàng bán tại thời điểm bán hàng trong hệ thống kiểm kê định kỳ.

Hàng bán bị trả lại và chiết khấu bán hàng

Minh họa: để ghi nhận hàng hóa bị trả lại từ Sauk Stereo vào 8/5, PW Audio Supply ghi nhận €300 hàng bán bị trả lại như sau.

8/5	Hàng bán bị trả lại và chiết khấu bán hàng	300
	Khoản phải thu	300

Giảm giá hàng bán

Minh họa: vào ngày 14/5, PW Audio Supply nhận được khoản thanh toán €3,430 chuyển khoản từ Sauk Stereo. PW Audio ghi nhận 2% chiết khấu bán hàng bằng tiền mặt như sau.

14/5	Tiền mặt	3,430	
	Giảm giá hàng bán (€3,500 × .02)	70	
	Khoản phải thu (€3,800 - €300)		3,500

So sánh bút toán khóa sổ giữa hệ thống kê khai thường xuyên với hệ thống kiểm kê định kỳ (1 of 2)

ENTRIES ON SAUK STEREO'S BOOKS

Giao dịch		Phương pháp kê khai thường xuyên		Phương pháp kê khai định kỳ	
May 4	Hàng mua bằng tín dụng.	Hàng tồn kho	3,800	Purchases	3,800
		Khoản phải trả	3,800	Khoản phải trả	3,800
6	Chi phí vận chuyển khi mua hàng.	Hàng tồn kho	150	Freight-In	150
			150	Tiền mặt	150
8	Hàng mua trả lại và giảm giá hàng mua	Khoản phải trả	300	Khoản phải trả	300
		Hàng tồn kho	300	Hàng mua trả lại và giảm giá hàng mua	300
14	Thanh toán trên tài khoản với chiết khấu	Khoản phải trả	3,500	Khoản phải trả	3,500
		Cash	3,430	Tiền mặt	3,430
		Hàng tồn kho	70	Chiết khấu thương mại	70

So sánh bút toán khóa sổ giữa hệ thống kê khai thường xuyên với hệ thống kiểm kê định kỳ (2 of 2)

ENTRIES ON PW AUDIO SUPPLY'S BOOKS

Giao dịch		Phương pháp kê khai thường xuyên		Phương pháp kê khai định kỳ	
May 4	Hàng bán thu bằng tín dụng.	Khoản phải thu	3,800	Khoản phải thu	3,800
		Doanh thu bán	3,800	Doanh thu bán	3,800
		Giá vốn hàng bán	2,400	Không có mục nào cho	
		Hàng tồn kho	2,400	Giá vốn hàng bán	
8	Hàng bán trả lại	Đổi trả/ đền bù sản phẩm		Đổi trả/ đền bù sản phẩm	
			300		300
		Khoản phải thu	300	Khoản phải thu	300
		Hàng tồn kho	140	Không có mục nào	
		Giá vốn hàng bán	140		
14	Nhận tiền mặt trên	Tiền mặt	3,430	Tiền mặt	3,430
	Tài khoản được chiết khấu.	Giảm giá hàng bán	70	Giảm giá hàng bán	70
		Khoản phải thu	3,500	Khoản phải thu	3,500

Các bút toán khóa sổ

Mọi Tài khoản ảnh hưởng tới sự xác định lợi nhuận thuần đều được ghi vào thu nhập

Trong ghi chép, mọi khoản trong cột ghi nợ được ghi có, và mọi khoản trong cột ghi có được ghi nợ

Bắt đầu của số dư hàng tồn kho được ghi nợ trong thu nhập, và ghi có trong hàng tồn kho

Kết thúc của số dư hàng tồn kho được ghi nợ trong hàng tồn kho, và ghi có trong thu nhập

PW Audio Supply
Bảng tính nhập
Cho cuối năm 31/12/2020

Tên tài khoản	Cân đối thử		Điều chỉnh		Cân đối thử đã điều chỉnh		Báo cáo kết quả kinh doanh		Báo cáo tình hình tài chính	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Tiền mặt	9,500				9,500				9,500	
Khoản phải nhận	16,000				1,6100				1,6100	
Hàng tồn kho	36,000				36,000		36,000	40,000	40,000	
Bảo hiểm trả trước	3,800			(a) 2,000	1,800				1,800	
Thiết bị	80,000				80,000				80,000	
Khấu hao lũy kế		16,000		(b) 8,000		24,000				24,000
Khoản phải trả		20,400				20,400				20,400
Vốn cổ phần phổ thông		50,000				50,000				50,000
Lợi nhuận giữ lại		33,000				33,000				33,000
Cổ tức	15,000				15,000				15,000	
Doanh thu dịch vụ		480,000				480,000		480,000		
Hàng bán trả lại và chiết khấu mua hàng	12,000				12,000		12,000			
Giảm giá hàng bán	8,000				8,000		8,000			
Mua vào	325,000				325,000		325,000			
Hàng mua trả lại và chiết khấu hàng mua		10,400				10,400		10,400		
Giảm giá hàng mua		6,800				6,800		6,800		
Chi phí vận chuyển	12,200				12,200		12,200			
Chi phí vận chuyển	7,000				7,000		7,000			
Chi phí quảng cáo	16,000				16,000		16,000			
Chi phí lương	59,000		(c) 5,000		64,000		64,000			
Chi phí tiện ích	17,000				17,000		17,000			
Tổng	616,600	616,600								
Chi phí bảo hiểm			(a) 2,000		2,000		2,000			81

Mục đích học tập 8

So sánh kế toán hàng hóa giữa G A A P và I F R S.

U.S. GAAP

Những điểm chính

Những điểm chung

Cả GAAP và IFRS, một công ty có thể chọn để sử dụng hệ thống kê khai hoặc hệ thống kiểm kê định kỳ

Hàng tồn kho được định nghĩa bởi IFRS như giữ-để-bán trong quá trình kinh doanh bình thường, trong quá trình sản xuất để bán, hoặc dưới dạng vật liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ. Định nghĩa qua GAAP cũng tương đương như vậy.

Giống như GAAP, thu nhập toàn phần qua IFRS bao gồm các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện (chẳng hạn như những chứng khoán phi giao dịch) không được bao gồm trong quá trình tính toán lợi nhuận thuần.

U.S. GAAP

Những điểm chính

Những điểm khác nhau

Theo GAAP các công ty thường phân loại báo cáo kết quả kinh doanh theo chức năng. Phân loại theo chức năng mô tả theo quá trình như quản trị, phân phối (bán hàng), và sản xuất. Theo IFRS, các công ty phải phân loại các chi phí theo bản chất hoặc theo chức năng. Phân loại theo bản chất được mô tả như: Chi phí lương, Chi phí khấu hao, và Chi phí tiện ích. Nếu một công ty sử dụng phương pháp phân loại chi phí theo chức năng vào báo cáo thu nhập, việc công bố thông tin là cần thiết trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

U.S. GAAP

Những điểm chính

Những điểm khác biệt

Trình bày báo cáo kết quả kinh doanh qua GAAP có thể thông qua một bước hoặc nhiều bước. IFRS không đề cập đến cách tiếp cận qua một hoặc nhiều bước.

Theo IFRS đất đai, nhà cửa và tài sản vô hình được cho phép để đánh giá lại. Các khoản lãi và lỗ qua việc đánh giá lại này được ghi như một sự điều chỉnh vốn sở hữu, thường được xem như những khoản thu nhập khác. Hiệu ứng của sự khác biệt này là việc sử dụng IFRS dẫn đến nhiều khoản giao dịch ảnh hưởng tới vốn sở hữu (các khoản thu nhập khác) nhưng không ảnh hưởng tới lợi nhuận thuần.

IFRS yêu cầu trình bày thông tin báo cáo kết quả kinh doanh trong 2 năm, trong khi GAAP yêu cầu 3 năm.

U.S. GAAP

Nhìn về tương lai

IASB và FASB đang triển khai một dự án sẽ tái cấu trúc báo cáo tài chính. Đặc biệt là, dự án này sẽ đề cập vấn đề về cách phân loại nhiều khoản mục trong báo cáo tài chính. Mục đích chính cung cấp thông tin một cách tốt hơn cho cách các doanh nghiệp đang hoạt động. Thêm vào đó, cách tiếp cận này thu hút sự quan tâm không chỉ lợi nhuận thuần. Nó sẽ cung cấp thông tin cho việc sử dụng báo cáo lưu chuyển tiền mặt (hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, và hoạt động tài chính), Để dễ dàng truy cập thông tin trên các báo cáo. Ví dụ, các khoản thu nhập được tạo từ những hoạt động sẽ có thể theo dõi được tới những tài sản và nợ phải trả để tạo thu nhập. Cách tiếp cận này cũng sẽ cung cấp chi tiết, hơn những chi tiết đang được thấy trong hầu hết các báo cáo (hoặc GAAP hoặc IFRS), bằng cách yêu cầu cách chi tiết các khoản mục phải được trình bày theo chức năng hoặc bản chất. Mẫu báo cáo tài chính mới đã bị ảnh hưởng bởi những đề xuất của các nhà phân tích báo cáo tài chính.